TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 27 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng;

Bà Trịnh Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giangxét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 101/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà: Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1998; (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ C, khu phố A, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn*:* Ông: Tống Văn T1, sinh năm 1998; (có mặt)
Nơi cư trú: Đường K lương thực cũ, Tổ I, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.
3. Người kháng cáo*:* bị đơn ông Tống Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* Theo đơn ly hôn ngày 04/11/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày: Vào tháng 8/2019, bà cùng ông Tống Văn T1 chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông T1 về chung sống tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Đến khoảng tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do con bị bệnh, vợ chồng cự cãi, nên ông T1 đuổi bà T ra khỏi nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, xin được ly hôn với ông Tống Văn T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020, hiện nay cháu Bảo A đang sống cùng ông T1. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và ý kiến trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Tống Văn T1 trình bày: Ông thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà T trình bày, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 10/2020. Nay bà T xin ly hôn, ông T1 đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020, hiện nay đang sống cùng ông T1. Khi ly hôn, ông T1 yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 101/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tống Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Hoài T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tống Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26/12/2024, bị đơn ông Tống Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết: Không đồng ý giao con chung cháu Nguyễn Bảo A1, sinh ngày 25/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Hoài T nuôi dưỡng. Ông T1 yêu cầu được quyền nuôi cháu Nguyễn Bảo A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Tống Văn T1 có ý kiến: Ông không đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng do cháu Bảo A đã sống quen với ông thời gian qua; ông vẫn chăm sóc cháu tốt. Đồng thời, hiện nay bà T đã có gia đình và có con nên ông đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T có ý kiến: Bà không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T1. Tuy hiện nay, bà đã có gia đình và đang nuôi con nhỏ khoảng 14 tháng tuổi nhưng bà sẽ giao con cho bên nội nuôi để bà chăm sóc cho cháu A vì nhận thấy ông T1 không quan tâm, lo cho cháu Bảo A tốt thời gian qua.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng:Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tống Văn T1; Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 101/2024/HNGĐ-ST ngày 20/12/2024 của Toà án nhân dân huyện T.

Về quan hệ con chung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T về yêu cầu xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020. Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020 cho ông Tống Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tống Văn T1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoài T cấp dưỡng nuôi con chung. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không sửa, giữ nguyên. Ông Tống Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Tống Văn T1 làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Tống Văn T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tống Văn T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2019, không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Thương yêu C được ly hôn với ông T1 do mẫu thuẫn, không hạnh phúc và ông T1 đồng ý. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cấp sơ thẩm tuyên không công nhận bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tống Văn T1 là vợ chồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Cả bà T và ông T1 đều xác định và thừa nhận có 01 con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020, hiện cháu đang sống với ông T1. Căn cứ khoản 2 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với cha mẹ của mình được quy định tại Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan"*. Do đó, có cơ sở xác định cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020 là con chung của bà T và ông T1.

Xét yêu cầu nuôi con chung: Tuy bà T cho rằng có hiện đang làm kế toán cho Công ty với mức lương khoảng 9.500.000đ/tháng tại Thành phố Hồ Chí Minh và hiện bà đã có gia đình riêng, đang nuôi con 14 tháng tuổi nhưng bà sẽ giao cháu bé cho bên nội nuôi dưỡng để bà trực tiếp nuôi cháu B. Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, ông T1 là người đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ khi cháu được 18 tháng (tháng 9/2022) đến nay, ông cũng có việc làm tại địa phương. Hiện tại, cháu A đã quen với điều kiện, môi trường sống và được ông T1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Để đảm bảo cháu A được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất cần giao cháu cho ông T1 nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế, đảm bảo được đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu A; nếu giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu A, khi ông T1 và bà T không được công nhận là vợ chồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T1 về việc yêu cầu được nuôi con chung, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020 cho ông Tống Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Hoài T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này bà T có đủ căn cứ cho rằng ông T1 không đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; cũng như việc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông T1 không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[4] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tống Văn T1 về việc yêu cầu được nuôi con chung;

- Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 101/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang về quan hệ con chung.

Căn cứ:

- Điều 14, Điều 53, Điều 68, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147;Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T về quan hệ hôn nhân;

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T về yêu cầu nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tống Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Tống Văn T1 có một con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020.

Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/7/2020 cho ông Tống Văn T1 được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tống Văn T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0012853 ngày 04 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Tống Văn T1 được chấp nhận nên ông T1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Ông T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 00012948 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 uật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;

- TAND huyện T;
- Chi cục THA-DS huyện T;
- Phòng Thanh tra, kiểm tra và THA;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Minh Châu